

Số: 2768/BC-SGDĐT

Thái Nguyên, ngày 27 tháng 5 năm 2026

BÁO CÁO

Đánh giá tác động của chính sách hỗ trợ tiền ăn đối với học sinh khuyết tật học tại Trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập thuộc tỉnh Thái Nguyên quản lý

Thực hiện quy định về hồ sơ, tài liệu trong xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Sở Giáo dục và Đào tạo báo cáo đánh giá tác động của chính sách hỗ trợ tiền ăn đối với học sinh khuyết tật học tại Trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập thuộc tỉnh Thái Nguyên quản lý như sau:

I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ

1. Bối cảnh xây dựng chính sách

- Chăm lo cho người khuyết tật, bảo đảm quyền được học tập trong môi trường giáo dục phù hợp, hòa nhập và giảm bớt rào cản trong tiếp cận giáo dục là yêu cầu thường xuyên của chính sách xã hội và chính sách giáo dục. Đối với học sinh khuyết tật học nội trú, ăn bán trú tại Trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập, bữa ăn trong thời gian học tập thực tế có ý nghĩa trực tiếp đối với sức khỏe, khả năng phục hồi chức năng, duy trì chuyên cần và kết quả học tập.

- Về pháp lý, dự thảo Nghị quyết được xây dựng trên cơ sở Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Giáo dục, Luật Người khuyết tật, Luật Cư trú và các văn bản quy định, hướng dẫn có liên quan về giáo dục đối với người khuyết tật, hoạt động của Trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập và việc sử dụng ngân sách địa phương để thực hiện chính sách an sinh xã hội, giáo dục tại địa phương.

- Tại điểm b khoản 1 Điều 16 Thông tư số 03/2018/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định:

“Điều 16. Ủy ban nhân dân các cấp

1. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

b) Thực hiện nghiêm túc chính sách về giáo dục hòa nhập theo quy định, ban hành các chính sách của địa phương về giáo dục hòa nhập”.

- Dự thảo Nghị quyết xác định phạm vi hỗ trợ đối với học sinh khuyết tật học tại Trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập thuộc tỉnh Thái Nguyên quản lý; đối tượng thụ hưởng là học sinh khuyết tật có đăng ký thường trú tại tỉnh Thái Nguyên, ở nội trú hoặc ăn bán trú và đang học thực tế tại Trung tâm.

- Về thực tiễn, học sinh khuyết tật đang học tại Trung tâm có nhiều dạng, mức độ khuyết tật khác nhau, thường cần sự hỗ trợ thường xuyên của nhà trường, gia đình và người chăm sóc. Chi phí ăn uống trong thời gian học nội trú,

bán trú tạo áp lực đối với một bộ phận gia đình, nhất là gia đình có hoàn cảnh khó khăn hoặc có người chăm sóc phải giảm thời gian lao động.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã ban hành Quyết định số 2805/QĐ-UBND ngày 21/10/2015 về việc hỗ trợ mức tiền ăn cho học sinh khuyết tật nội trú tại Trường Giáo dục và Hỗ trợ trẻ em bị thiệt thòi tỉnh Thái Nguyên, mức 540.000 đồng/học sinh/tháng, thời gian 09 tháng/năm học. Chính sách mới vì vậy cần được đánh giá trong mối quan hệ kế thừa, chuẩn hóa, điều chỉnh mức hỗ trợ và mở rộng phạm vi thụ hưởng, đồng thời xử lý nguyên tắc không trùng lặp chính sách.

- Dự thảo Nghị quyết dự kiến hỗ trợ 936.000 đồng/học sinh/tháng đối với học sinh khuyết tật ở nội trú và 360.000 đồng/học sinh/tháng đối với học sinh khuyết tật ăn bán trú; thời gian hỗ trợ tính theo số tháng học thực tế tại Trung tâm nhưng không quá 09 tháng/năm học; kinh phí do ngân sách tỉnh bảo đảm trong dự toán chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo hằng năm theo phân cấp ngân sách hiện hành và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

- Nếu không có chính sách thống nhất trên phạm vi toàn tỉnh, việc bảo đảm bữa ăn cho học sinh khuyết tật tiếp tục phụ thuộc nhiều vào khả năng tự cân đối của gia đình và nguồn lực của cơ sở giáo dục; đồng thời có nguy cơ phát sinh khác biệt về quyền lợi giữa nhóm học sinh đã được hỗ trợ theo chính sách cũ và nhóm học sinh chưa được bao quát, giữa học sinh nội trú và học sinh bán trú, giữa Trung tâm công lập và Trung tâm tư thục đủ điều kiện hoạt động.

2. Mục tiêu xây dựng chính sách

- Bảo đảm học sinh khuyết tật ở nội trú, ăn bán trú tại Trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập thuộc tỉnh Thái Nguyên quản lý được hỗ trợ một phần chi phí ăn uống trong thời gian học tập thực tế, góp phần duy trì sức khỏe, thể chất, tinh thần, chuyên cần và chất lượng học tập.

- Giảm gánh nặng chi phí trực tiếp cho gia đình học sinh khuyết tật; góp phần bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục, nhất là đối với nhóm học sinh có nhu cầu hỗ trợ đặc thù.

- Thiết lập cơ chế hỗ trợ thống nhất, công khai, minh bạch, có căn cứ xác định đối tượng, điều kiện hưởng, mức hỗ trợ, thời gian hỗ trợ, nguồn kinh phí, trách nhiệm tổ chức thực hiện và trách nhiệm giám sát.

- Bảo đảm nguyên tắc không trùng lặp chính sách hỗ trợ tiền ăn từ ngân sách nhà nước trong cùng thời gian học thực tế; trường hợp học sinh đồng thời thuộc nhiều chính sách hỗ trợ tiền ăn thì chỉ hưởng một chính sách có mức hỗ trợ cao nhất.

- Tạo cơ sở để lập dự toán, phân bổ, thanh toán, quyết toán và kiểm tra kinh phí hỗ trợ hằng năm phù hợp khả năng cân đối ngân sách địa phương.

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

1. Chính sách được đánh giá

Chính sách hỗ trợ tiền ăn đối với học sinh khuyết tật có đăng ký thường trú tại tỉnh Thái Nguyên, ở nội trú hoặc ăn bán trú và đang học thực tế tại Trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập thuộc tỉnh Thái Nguyên quản lý.

Mức hỗ trợ theo dự thảo gồm: 936.000 đồng/học sinh/tháng đối với học sinh khuyết tật ở nội trú; 360.000 đồng/học sinh/tháng đối với học sinh khuyết tật ăn bán trú. Thời gian hỗ trợ tính theo số tháng học thực tế tại Trung tâm, nhưng không quá 09 tháng/năm học.

2. Đánh giá tác động của các giải pháp

2.1. Giải pháp 1: Không ban hành Nghị quyết; tiếp tục xử lý theo cơ chế hiện hành hoặc gia đình tự bảo đảm chi phí ăn uống

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Không phát sinh văn bản quy phạm pháp luật mới. Tuy nhiên, cơ chế hiện hành chưa bao quát đầy đủ đối tượng học sinh khuyết tật ăn bán trú, chưa cập nhật mô hình Trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập công lập, tư thực và chưa tạo cơ sở pháp lý thống nhất để thực hiện trên phạm vi toàn tỉnh.

- Tác động về kinh tế - xã hội: Ngân sách tỉnh có thể không phát sinh chi tăng thêm trong ngắn hạn, nhưng gia đình học sinh bán trú hoặc học sinh chưa thuộc phạm vi chính sách cũ tiếp tục tự bảo đảm toàn bộ hoặc phần lớn chi phí ăn uống. Điều này có thể ảnh hưởng đến dinh dưỡng, chuyên cần, khả năng tham gia học tập và phục hồi chức năng của học sinh khuyết tật.

- Tác động về giới: Không tạo phân biệt trực tiếp theo giới. Tuy nhiên, do việc chăm sóc trẻ em khuyết tật trong gia đình thường tạo áp lực thời gian đối với người chăm sóc chính, việc không hỗ trợ chi phí ăn uống có thể tiếp tục tác động bất lợi đến cơ hội lao động, thu nhập và sinh hoạt xã hội của gia đình, trong đó có phụ nữ và người chăm sóc chính.

- Tác động của thủ tục hành chính: Không phát sinh thủ tục mới, nhưng cũng không xử lý rõ yêu cầu rà soát đối tượng, xác định học sinh nội trú/bán trú, xác nhận tháng học thực tế, kiểm tra không trùng lặp chính sách, công khai danh sách và thanh quyết toán kinh phí trong bối cảnh có cả cơ sở công lập và tư thực.

2.2. Giải pháp 2: Ban hành Nghị quyết theo dự thảo, hỗ trợ theo danh sách học sinh đủ điều kiện tại Trung tâm công lập, tư thực

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Giải pháp cụ thể hóa thẩm quyền của địa phương trong việc ban hành chính sách an sinh xã hội, giáo dục và sử dụng ngân sách địa phương; tạo cơ sở pháp lý thống nhất để xác định đối tượng, điều kiện hưởng, mức hỗ trợ, thời gian hỗ trợ, nguồn kinh phí và trách nhiệm tổ chức thực hiện. Chính sách cũng quy định nguyên tắc không hưởng trùng lặp chính sách hỗ trợ tiền ăn từ ngân sách nhà nước trong cùng thời gian học thực tế.

- Tác động về kinh tế - xã hội: Chính sách làm phát sinh chi ngân sách tỉnh trong phạm vi chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo hằng năm. Kinh phí có thể xác định theo công thức: số học sinh khuyết tật nội trú đủ điều kiện x 936.000 đồng

x số tháng học thực tế cộng với số học sinh khuyết tật bán trú đủ điều kiện x 360.000 đồng x số tháng học thực tế; số tháng hỗ trợ tối đa không quá 09 tháng/năm học. Khoản chi có phạm vi đối tượng rõ, có thể dự toán và kiểm soát thông qua danh sách học sinh thực tế tại Trung tâm.

- Đối với nhóm học sinh nội trú đã được hỗ trợ theo Quyết định số 2805/QĐ-UBND, cần tách bạch tổng kinh phí thực hiện chính sách mới với phần tăng thêm so với mức 540.000 đồng/học sinh/tháng. Phần tăng thêm đối với nhóm này là 396.000 đồng/học sinh/tháng nhân với số tháng học thực tế. Đối với học sinh bán trú và các nhóm mở rộng khác, kinh phí là khoản phát sinh mới theo mức hỗ trợ tương ứng.

- Tác động tích cực đối với học sinh là hỗ trợ trực tiếp nhu cầu thiết yếu về bữa ăn, góp phần cải thiện điều kiện ăn uống, sức khỏe, chuyên cần, khả năng tham gia học tập, phục hồi chức năng và hòa nhập. Đối với gia đình, chính sách giảm một phần chi phí trực tiếp, tăng khả năng duy trì việc học của học sinh và giảm áp lực chăm sóc hằng ngày.

- Đối với Trung tâm công lập và tư thục, chính sách tạo căn cứ để lập danh sách, xác nhận hình thức nội trú/bán trú, tổ chức bữa ăn hoặc thực hiện hỗ trợ theo hướng dẫn của Ủy ban nhân dân tỉnh. Đối với Trung tâm tư thục, cần xác định rõ đây là khoản hỗ trợ cho học sinh đủ điều kiện, không phải hỗ trợ hoạt động thường xuyên của cơ sở; việc chi trả, quyết toán phải gắn với danh sách học sinh, số ngày/tháng học thực tế và chứng từ hợp lệ.

- Tác động về giới: Chính sách áp dụng bình đẳng cho học sinh khuyết tật đủ điều kiện, không phân biệt giới tính. Chính sách có thể tạo tác động tích cực gián tiếp đối với bình đẳng giới do giảm một phần gánh nặng chi phí và chăm sóc trong gia đình, hỗ trợ người chăm sóc chính có thêm điều kiện tham gia lao động, học tập và sinh hoạt xã hội.

- Tác động của thủ tục hành chính: Chính sách không đặt ra thủ tục hành chính độc lập đối với người dân nếu sử dụng hồ sơ xác định khuyết tật, hồ sơ người học và danh sách học sinh nội trú/bán trú do Trung tâm lập, quản lý, theo dõi và xác nhận. Công việc phát sinh chủ yếu là quy trình nội bộ về lập danh sách, thẩm định/phê duyệt, công khai, cấp phát, thanh toán, quyết toán và kiểm tra việc không trùng lặp chính sách.

- Tác động đến quản lý nhà nước: Cơ quan giáo dục, tài chính và cơ sở giáo dục có căn cứ rõ hơn để lập dự toán, phân bổ kinh phí, kiểm tra và giám sát. Việc áp dụng cho cả cơ sở công lập và tư thục đòi hỏi hướng dẫn cụ thể về hồ sơ, chứng từ, phương thức chi trả, trách nhiệm xác nhận của Trung tâm và cơ chế thu hồi khi chi sai đối tượng hoặc chi trùng chính sách.

2.3. Giải pháp 3: Ban hành chính sách nhưng chi trả trực tiếp bằng tiền cho gia đình/học sinh, không thông qua cơ chế tổ chức bữa ăn hoặc xác nhận chi tại Trung tâm

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Giải pháp vẫn tạo cơ sở pháp lý về hỗ trợ tiền ăn nhưng cần quy định thêm phương thức chi trả, chứng từ, xác nhận người nhận, cơ chế tạm dừng, thu hồi, quyết toán và xử lý trường hợp học sinh nghỉ học, chuyển trường, thay đổi hình thức nội trú/bán trú.

- Tác động về kinh tế - xã hội: Tổng kinh phí hỗ trợ về cơ bản tương đương với giải pháp ban hành Nghị quyết theo dự thảo nếu giữ nguyên mức hỗ trợ và đối tượng. Tuy nhiên, chi trả trực tiếp có thể không bảo đảm chắc chắn kinh phí được sử dụng đúng cho bữa ăn trong thời gian học tại Trung tâm, nhất là với học sinh cần chăm sóc tập trung theo chế độ nội trú, bán trú.

- Tác động về giới: Không tạo phân biệt trực tiếp theo giới, nhưng hiệu quả giảm gánh nặng chăm sóc có thể thấp hơn nếu khoản hỗ trợ không gắn với tổ chức bữa ăn tại Trung tâm hoặc không được sử dụng đúng mục đích.

- Tác động của thủ tục hành chính: Có khả năng phát sinh thêm yêu cầu mở tài khoản, xác nhận người nhận, đối chiếu từng tháng, xử lý trường hợp học sinh nghỉ học, thay đổi nơi học hoặc hình thức ăn ở. Điều này làm tăng chi phí giao dịch, trách nhiệm giải trình của Trung tâm và cơ quan quản lý, đồng thời có thể gây phiền hà hơn cho gia đình học sinh.

3. Giải pháp tối ưu được lựa chọn và lý do lựa chọn

Giải pháp tối ưu được lựa chọn là ban hành Nghị quyết Quy định chính sách hỗ trợ tiền ăn đối với học sinh khuyết tật học tại Trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập thuộc tỉnh Thái Nguyên quản lý theo dự thảo; kinh phí hỗ trợ được thực hiện theo danh sách học sinh đủ điều kiện, số tháng/ngày học thực tế và hướng dẫn của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Giải pháp đáp ứng trực tiếp nhu cầu thiết yếu về bữa ăn của học sinh khuyết tật học nội trú, bán trú tại Trung tâm.

- Phạm vi hỗ trợ, điều kiện hưởng, mức hỗ trợ và thời gian hỗ trợ được xác định rõ; phù hợp để lập dự toán và kiểm soát chi ngân sách.

- Chính sách áp dụng đối với học sinh khuyết tật đủ điều kiện học tại Trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập thuộc tỉnh Thái Nguyên quản lý, bảo đảm bình đẳng về tiếp cận chính sách cho học sinh khuyết tật có cùng điều kiện hưởng.

- Thủ tục thực hiện chủ yếu dựa trên hồ sơ học sinh, giấy xác nhận khuyết tật và danh sách nội trú/bán trú do Trung tâm lập, quản lý, theo dõi và xác nhận; hạn chế phát sinh giấy tờ cho gia đình học sinh.

- Chính sách có nguyên tắc không trùng lặp với chính sách hỗ trợ tiền ăn khác từ ngân sách nhà nước, góp phần bảo đảm công khai, minh bạch và thuận lợi cho kiểm tra, giám sát.

4. Chính sách khác

Dự thảo Nghị quyết chủ yếu quy định một chính sách là hỗ trợ tiền ăn đối với học sinh khuyết tật ở nội trú, ăn bán trú đang học thực tế tại Trung tâm Hỗ trợ

trợ phát triển giáo dục hòa nhập thuộc tỉnh Thái Nguyên quản lý. Không xác định chính sách độc lập khác cần đánh giá tác động riêng trong phạm vi báo cáo này.

III. KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN DỰ THẢO VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Rà soát thống nhất tên gọi chính sách trong toàn bộ dự thảo Nghị quyết, bảo đảm phù hợp với tên Nghị quyết: “Quy định chính sách hỗ trợ tiền ăn đối với học sinh khuyết tật học tại Trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập thuộc tỉnh Thái Nguyên quản lý”.

- Bổ sung hoặc giao Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn rõ phương thức thực hiện: lập danh sách, xác nhận tháng/ngày học thực tế, công khai danh sách, phương thức cấp phát/chi hỗ trợ, thanh toán, quyết toán, chứng từ đối với Trung tâm công lập và tư thực.

- Quy định rõ trách nhiệm của Trung tâm trong việc xác nhận học sinh nội trú/bán trú, số ngày ăn thực tế, kiểm tra điều kiện khuyết tật, hồ sơ người học và việc không hưởng trùng chính sách hỗ trợ tiền ăn khác.

- Rà soát quan hệ với Quyết định số 2805/QĐ-UBND để tránh đồng thời tồn tại hai mức hỗ trợ tiền ăn đối với cùng một đối tượng trong cùng thời gian. Trường hợp tiếp tục có chính sách khác cùng nội dung, thực hiện nguyên tắc chỉ hưởng một chính sách có mức hỗ trợ cao nhất.

- Trước khi trình cấp có thẩm quyền, cần cập nhật số lượng học sinh dự kiến thụ hưởng theo từng nhóm: nội trú, bán trú; công lập, tư thực; giới tính; dạng/mức độ khuyết tật; địa bàn cư trú; số tháng học thực tế. Trên cơ sở đó hoàn thiện dự toán kinh phí năm học 2026 - 2027 và các năm tiếp theo.

- Khi tổ chức thực hiện, cần có cơ chế kiểm tra, giám sát định kỳ; công khai đối tượng, mức hỗ trợ, thời gian hỗ trợ; xử lý thu hồi khi chi sai đối tượng, chi vượt số ngày/tháng học thực tế hoặc chi trùng chính sách.

IV. PHỤ LỤC

1. Bảng dự kiến đối tượng thụ hưởng và kinh phí thực hiện hằng năm

STT	Nhóm đối tượng	Số lượng dự kiến (học sinh)	Mức hỗ trợ (đồng/học sinh/tháng)	Số tháng hỗ trợ tối đa	Kinh phí dự kiến (đồng/năm học)
1	Học sinh khuyết tật ở nội trú tại Trung tâm công lập	150	936.000	09	1.263.600.000
2	Học sinh khuyết tật ở nội trú tại Trung tâm tư thực	250	360.000	09	810.000.000
	Tổng cộng				2.073.600.000

2. Bảng so sánh chi phí - lợi ích của các giải pháp

Nội dung so sánh	Giải pháp 1: Không ban hành chính sách	Giải pháp 2: Ban hành Nghị quyết theo dự thảo	Giải pháp 3: Chi trả trực tiếp cho gia đình/học sinh
Chi ngân sách	Không phát sinh chi tăng thêm trong ngắn hạn nhưng tiếp tục duy trì khoảng trống đối với học sinh bán trú, học sinh tại cơ sở tư thực hoặc nhóm chưa thuộc phạm vi cơ chế cũ.	Phát sinh chi có mục tiêu, xác định theo số học sinh đủ điều kiện và số tháng/ngày học thực tế; kiểm soát được qua danh sách tại Trung tâm.	Phát sinh chi tương đương nếu giữ mức hỗ trợ, nhưng tăng chi phí giao dịch, đối soát và quản lý chi trả.
Tác động đến học sinh	Một bộ phận học sinh tiếp tục thiếu căn cứ hỗ trợ; nguy cơ ảnh hưởng đến dinh dưỡng, chuyên cần, chất lượng học tập và phục hồi chức năng.	Hỗ trợ trực tiếp nhu cầu ăn uống; tăng điều kiện duy trì học tập, chăm sóc, phục hồi chức năng và hòa nhập.	Có hỗ trợ tài chính nhưng mức độ bảo đảm kinh phí được sử dụng đúng cho bữa ăn tại Trung tâm thấp hơn.
Tác động đến gia đình	Gia đình tiếp tục tự chi trả toàn bộ hoặc phần lớn chi phí ăn uống trong thời gian học, nhất là đối với học sinh bán trú hoặc nhóm chưa được bao quát.	Giảm một phần gánh nặng chi phí, hỗ trợ người chăm sóc có thêm điều kiện lao động, học tập và sinh hoạt.	Giảm chi phí nhưng có thể phát sinh kê khai, xác nhận, nhận tiền, đối chiếu hàng tháng.
Quản lý, giám sát	Khó xử lý rõ việc cập nhật đối tượng, xác nhận nội trú/bán trú, tháng học thực tế, chuyển tiếp và nguyên tắc không trùng lặp.	Dễ quản lý qua hồ sơ học sinh và danh sách tại Trung tâm; cần hướng dẫn cụ thể đối với cả Trung tâm công lập và tư thực.	Khó kiểm soát mục đích sử dụng, phát sinh nhiều khâu xác nhận, thanh toán, thu hồi khi sai đối tượng.
Công bằng chính sách	Tiếp tục có nguy cơ khác biệt giữa nhóm đã được hỗ trợ và nhóm chưa được bao quát, giữa học sinh nội trú và bán trú, giữa cơ sở công lập và tư thực.	Áp dụng thống nhất cho học sinh khuyết tật đủ điều kiện học tại Trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập thuộc tỉnh Thái Nguyên quản lý.	Vẫn phải có tiêu chí thống nhất; nếu không quy định rõ, nguy cơ khiếu nại, so bì chính sách vẫn còn.
Thủ tục hành chính	Không phát sinh thủ tục mới nhưng thiếu quy trình thống nhất để quản lý và quyết toán.	Không đặt ra thủ tục độc lập đối với người dân; công việc chủ yếu là nội bộ giữa Trung tâm và cơ quan quản lý.	Có thể phát sinh thủ tục nhận tiền, xác nhận tài khoản/người nhận và đối chiếu từng tháng.

3. Bảng đối chiếu với Quyết định số 2805/QĐ-UBND và dự thảo Nghị quyết

Nội dung	Quyết định số 2805/QĐ-UBND	Dự thảo Nghị quyết	Nội dung cần lưu ý khi hoàn thiện
Đối tượng	Học sinh khuyết tật không thuộc hộ nghèo, cận nghèo đang sinh hoạt nội trú tại Trường Giáo dục và Hỗ trợ trẻ em bị thiệt thòi tỉnh Thái Nguyên.	Học sinh khuyết tật có đăng ký thường trú tại tỉnh Thái Nguyên, ở nội trú hoặc ăn bán trú và đang học thực tế tại Trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập thuộc tỉnh Thái Nguyên quản lý.	Rà soát nhóm tiếp tục hưởng, nhóm mở rộng và nhóm không còn phù hợp; cập nhật tên gọi, mô hình cơ sở giáo dục và loại hình công lập/tư thực.
Mức hỗ trợ nội trú	540.000 đồng/học sinh/tháng.	936.000 đồng/học sinh/tháng.	Phần tăng thêm đối với nhóm đã hưởng theo Quyết định số 2805/QĐ-UBND là 396.000 đồng/học sinh/tháng.
Hỗ trợ bán trú	Chưa quy định.	360.000 đồng/học sinh/tháng.	Khoản chi mới cần tính riêng theo số học sinh bán trú, số tháng/ngày ăn thực tế và loại hình Trung tâm.

Nội dung	Quyết định số 2805/QĐ-UBND	Dự thảo Nghị quyết	Nội dung cần lưu ý khi hoàn thiện
Thời gian hỗ trợ	09 tháng/năm học; áp dụng từ ngày 01/9/2015.	Theo số tháng học thực tế tại Trung tâm, tối đa 09 tháng/năm học; áp dụng từ năm học 2026 - 2027.	Cần thống nhất cách xác nhận số tháng/ngày học thực tế, trường hợp nghỉ học, chuyển hình thức nội trú/bán trú.
Nguyên tắc không trùng lặp	Học sinh hưởng mức hỗ trợ theo Quyết định số 2805/QĐ-UBND thì không hưởng các mức hỗ trợ khác tại địa phương.	Không đang hưởng chính sách hỗ trợ tiền ăn khác có cùng nội dung từ ngân sách nhà nước trong cùng thời gian học thực tế; nếu thuộc nhiều chính sách thì chỉ hưởng chính sách có mức hỗ trợ cao nhất.	Cần xử lý rõ quan hệ với chính sách cũ để tránh chi trả trùng lặp hoặc cùng lúc tồn tại hai mức hỗ trợ cho một đối tượng.
Tác động ngân sách	Là mức chi nền đã được phê duyệt cho một nhóm học sinh nội trú.	Tổng kinh phí theo mức mới đối với học sinh nội trú và bán trú tại Trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập thuộc tỉnh Thái Nguyên quản lý.	Dự toán nên thể hiện tổng kinh phí, phần tăng thêm so với mức cũ và phần phát sinh mới do mở rộng đối tượng/loại hình cơ sở.

4. Danh mục số liệu, tài liệu cần cập nhật trước khi trình

- Số lượng học sinh khuyết tật nội trú, bán trú dự kiến được hưởng chính sách theo từng năm học; phân tách theo Trung tâm công lập, Trung tâm tư thục, giới tính, dạng/mức độ khuyết tật, cấp học/lớp học và địa bàn cư trú.
- Số học sinh đang hưởng hỗ trợ theo Quyết định số 2805/QĐ-UBND, số tháng hưởng và kinh phí đã bố trí hằng năm để tính phần kế thừa và phần tăng thêm.
- Số học sinh bán trú và các nhóm mở rộng chưa từng được hỗ trợ tiền ăn; xác định số tháng/ngày học thực tế và kinh phí phát sinh mới tương ứng.
- Dự toán kinh phí năm học 2026 - 2027 và các năm tiếp theo, bảo đảm khả năng cân đối trong dự toán chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo của ngân sách tỉnh.
- Quy trình lập danh sách, phê duyệt, công khai, cấp phát, tổ chức bữa ăn/chi hỗ trợ, thanh toán, quyết toán, kiểm tra việc không trùng lặp chính sách và thu hồi kinh phí chi sai.

Trên đây là Báo cáo đánh giá tác động của chính sách hỗ trợ tiền ăn đối với học sinh khuyết tật học tại Trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập thuộc tỉnh Thái Nguyên quản lý. Sở Giáo dục và Đào tạo kính trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Lãnh đạo Sở GDĐT;
- Lưu: VT, KHTC.Đăngđh.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Đức Thịnh